TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Bá Đường
2. Bà Phạm Thị Dung

***- Thư ký phiên toà*:** Hoàng Văn C- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không;

Ngày 14/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thế C– Sinh năm 1984
Trú tại: xã VL, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ – Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T – Sinh năm 1983
Trú tại: T3 NT, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Thế Ctrình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Thế Cvà chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2022 tại UBND xã VL, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Do trước khi kết hôn chị T đã có 03 con riêng, sau đó chị T và các con chung của chị T về sống chung với anh Cnên hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặt khác do tìm hiểu chưa kỹ dẫn đến khi sống chung anh Cvà chị T không hợp nhau về phong cách sống đồng thời anh Ccho rằng chị T không chung thủy nên vợ chồng thường

xuyên cãi chửi nhau. Không thể tiếp tục chung sống đến tháng 11/2023 anh chị đã ly thân. Từ khi ly thân đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Ckhởi kiện yêu cầu được ly hôn chị T.

Anh chị không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Ckhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Hoàng Thị T, chị T cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Cvà chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ vào ngày UBND 16/6/2022, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng anh chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Cđã cung cấp được chứng cứ xác định được anh Cvà chị T chung sống không hạnh phúc. Anh Cvà chị T đã ly thân từ tháng 11/2023, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Clà phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Lê Thế Cđược ly hôn chị Hoàng Thị T. Quan hệ hôn nhân giữa anh Cvà chị T chấm dứt kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Lê Thế Cphải chịu 300.000 đồng, tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001190 ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VL, Hạ Hòa PT;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Bá Đường – Phạm Thị Dung	**Vũ Quang Đại**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VL, Hạ Hòa, PT;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Dung – Đinh Thị Út **Vũ Quang Đại**